

## QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA SINH VIÊN TẠI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀO TẠO ĐA NGÀNH

TRẦN NGỌC THẢO NGUYỄN<sup>(\*)</sup>

**TÓM TẮT:** Giáo dục và đào tạo là nguồn cung cấp lực lượng lao động chất lượng cao, đội ngũ các nhà khoa học kế cận của đất nước. Để đạt được mục tiêu trên, các trường đại học nói chung cần tạo điều kiện, môi trường làm việc thuận lợi, kích thích giảng viên, sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học. Từng cơ sở giáo dục đại học với những định hướng khác nhau sẽ phát huy thế mạnh đặc trưng của mình và các trường đại học đào tạo đa ngành cũng vậy. Hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên là hoạt động thường niên, được định hướng rõ ràng theo yêu cầu, tiêu chí của từng năm học. Tuy nhiên, quá trình thực hiện lại có những yếu tố chủ quan, khách quan chi phối nhất định, vì vậy, việc xác định rõ các yếu tố ảnh hưởng là hết sức cần thiết để đề ra các biện pháp thiết thực, nâng cao chất lượng hoạt động cũng như quản lý.

**Từ khoá:** Nghiên cứu khoa học, sinh viên, quản lý, trường đại học đa ngành.

**ABSTRACT:** Education and training are the source of high quality workforce and prepare for the next generations' contingent of scientists of the country. To achieve objectives, universities in general should create favorable conditions and friendly-environment working zone in order to stimulate the lecturers and students to participate in research activities. Each higher education institution will have their own orientations so that help to develop theirs own strengths and so as multi-disciplinary universities. Students' scientific research activities are known as annual activities, with clearly orientated, and criteria of each school year. However, the implementation process has subjective and objective factors, it is vital to determine influence factors as a measure to put forward practical solutions so that improve quality of operation as well as management.

**Keywords:** Scientific research, student, management, multi-disciplinary university.

### 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI đã nêu: “Tăng cường năng lực, nâng cao chất lượng và hiệu quả nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ của các cơ sở sản xuất, kinh doanh. Ưu tiên đầu tư phát triển khoa học cơ bản, khoa học mũi nhọn, phòng thí nghiệm trọng điểm, phòng thí nghiệm chuyên ngành, trung tâm công nghệ cao, cơ sở sản xuất thử nghiệm hiện đại trong một số trường đại học. Có chính sách khuyến khích học sinh, sinh viên nghiên cứu khoa học” (Đảng Cộng sản Việt

Nam, 2014). Trên tinh thần đó, cán bộ, giảng viên, sinh viên ở các trường đại học được tạo điều kiện thuận lợi tham gia nghiên cứu khoa học các cấp với kết quả số lượng đề tài, công trình nghiên cứu khoa học tăng dần theo từng năm, đồng thời chất lượng được củng cố, nâng cao mở ra cơ hội ứng dụng vào sản xuất, kinh doanh, để tạo nguồn kinh phí tái đầu tư cho hoạt động nghiên cứu khoa học. Bài viết này đề cập đến những thuận lợi và khó khăn cũng như đề xuất các giải pháp để quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên các trường đại học đào tạo đa ngành.

<sup>(\*)</sup>Cử nhân. Trường Đại học Sài Gòn.

## 2. MỘT SỐ KHÁI NIỆM CƠ BẢN

### 2.1. Hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên

Nghiên cứu khoa học là sự phát hiện bản chất sự vật, phát triển nhận thức khoa học về thế giới; hoặc là sáng tạo phương pháp mới và phương tiện kỹ thuật mới để làm biến đổi sự vật phục vụ cho mục tiêu hoạt động của con người (Vũ Cao Đàm, 2012).

Hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên là hoạt động tìm hiểu, trả lời các câu hỏi phát sinh trong quá trình học tập. Hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên trong trường đại học được triển khai bằng nhiều hình thức: bài tập nghiên cứu học phần, khóa luận tốt nghiệp, sinh viên tham gia nghiên cứu các đề tài khoa học. Phạm vi của bài viết này đề cập đến hoạt động nghiên cứu các đề tài khoa học của sinh viên.

### 2.2. Quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên

“Quản lý là những tác động có định hướng, có kế hoạch, có chủ đích của chủ thể quản lý đến đối tượng bị quản lý trong tổ chức để vận hành một cách tối ưu nhằm đạt được mục đích nhất định” (Phan Văn Kha, 2007). Quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên là một hoạt động vô cùng quan trọng, trong đó người quản lý cần phải nắm vững bản chất, nội dung của hoạt động, các tiêu chí về chất lượng nguồn nhân lực, phương pháp nghiên cứu, các quy định, kinh phí cũng như các điều kiện phục vụ cho hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên để đề ra định hướng phù hợp.

## 3. CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA SINH VIÊN TẠI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀO TẠO ĐA NGÀNH

Quá trình triển khai, phổ biến hoạt động nghiên cứu khoa học đến sinh viên đòi hỏi có sự phối hợp, hỗ trợ từ nhiều bộ phận khác nhau. Trong suốt quá trình quản lý hoạt động nghiên

cứ khoa học của sinh viên, bên cạnh thực hiện các chức năng quản lý (lập kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra), thì hoạt động quản lý còn chịu nhiều yếu tố ảnh hưởng. Chính vì thế, nhận thức đầy đủ các yếu tố tác động (chủ quan, khách quan) tại cơ sở giáo dục là điều cần thiết, làm cơ sở cho xây dựng chiến lược phát triển nhà trường, định hướng phát triển hoạt động nghiên cứu khoa học nói chung cũng như hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên nói riêng.

### 3.1. Các yếu tố chủ quan

#### 3.1.1. Nhận thức của cán bộ quản lý, giảng viên về hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên

Hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên là một hoạt động được tổ chức với mục đích giúp sinh viên dần làm quen với nghiên cứu; trong đó, sinh viên được khuyến khích đặt ra vấn đề và tìm lý luận, số liệu, làm thí nghiệm để minh chứng, trả lời giả thuyết đã đặt ra. Vậy, nói cách khác hoạt động nghiên cứu khoa học là một hình thức của việc tự học, tự giáo dục – điều mà theo định hướng lấy người học làm trung tâm của quá trình dạy - học đang muốn nhấn mạnh. Giảng viên nói chung và cán bộ quản lý nói riêng cần nắm được tinh thần đó để phổ biến, tạo điều kiện để sinh viên có thể tiếp cận, phát triển con đường học thuật sau này. Tuy nhiên, một số giảng viên lại cho rằng hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên hiện nay là một nguồn thu nhập thêm cho những sinh viên khó khăn mà chưa chú trọng đến vốn kiến thức, kỹ năng cần và đủ để có thể triển khai nghiên cứu cùng với những vốn kinh nghiệm mà các em sẽ được rèn luyện, tích lũy được trong suốt quá trình thực hiện đề tài. Vì thế, cán bộ quản lý cần chú trọng xây dựng tư tưởng, nhận thức đúng đắn cho giảng viên, sinh viên về vai trò, tầm quan trọng của hoạt động nghiên cứu khoa học, tính thiết thực, những lợi ích mà sinh viên sẽ đạt được (tri thức, kỹ năng) có ý nghĩa quyết định đến chất lượng của các

đề tài nghiên cứu. Trên nền tảng nhận thức đầy đủ, đúng đắn, sẽ xác định mục tiêu dài hạn, có những đầu tư hợp lý về các nguồn lực phục vụ cho hoạt động nghiên cứu khoa học của viên.

### 3.1.2. Chất lượng sinh viên

Chất lượng sinh viên đóng vai trò quan trọng quyết định đến chất lượng, hiệu quả của cả quá trình nghiên cứu. Các cơ sở giáo dục đại học phổ biến, tạo điều kiện để sinh viên tiếp cận với nghiên cứu khoa học, kích thích quá trình tự học, tự bồi dưỡng của mỗi cá nhân.

Trong quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên trong các cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 19/2012/TT-BGDĐT ngày 01/6/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo không đề cập đến yêu cầu đối với những sinh viên đăng ký hoạt động nghiên cứu khoa học, nhưng khi triển khai trên thực tế hầu hết các trường, các khoa đều có những quy định, yêu cầu riêng theo đặc thù của ngành một số khoa chỉ cho sinh viên năm 2, năm 3 đăng ký; khoa khác lại yêu cầu điểm trung bình học kì trước trên 8.0, những điều kiện này giúp sàng lọc sinh viên nhưng cũng hạn chế, làm mất cơ hội phát triển. Bên cạnh đó, cá nhân mỗi sinh viên đều có những điểm mạnh (chăm đọc tài liệu, tiếp thu bài giảng nhanh, khả năng ngoại ngữ, v.v) và điểm hạn chế (như điều kiện hoàn cảnh gia đình, học nhiều học phần trong một học kỳ,...) ảnh hưởng nhất định đến việc tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học; nếu giảng viên đứng lớp hoặc cố vấn học tập sớm phát hiện sẽ có những phương thức khuyến khích, giúp đỡ phù hợp giúp sinh viên định hướng nghiên cứu, sắp xếp thời gian phù hợp (một số sinh viên sau khi đề tài hoàn thành tiếp tục phát triển thành luận văn tốt nghiệp).

### 3.1.3. Trình độ đội ngũ giảng viên

Trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học của sinh viên, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của giảng viên là một yếu tố quan

trọng ảnh hưởng đến hiệu quả, chất lượng các hoạt động.

Đối với giảng viên, nghiên cứu khoa học cũng là một trong những nhiệm vụ cần thực hiện trong từng năm học bao gồm nhiều hình thức: đề tài khoa học cấp khoa, đề tài khoa học cấp trường, công trình khoa học được công bố trên các tạp chí khoa học trong nước hoặc quốc tế, hoặc các bài báo cáo tại các hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành. Giảng viên với kinh nghiệm trong công tác lẫn nghiên cứu giúp sinh viên định hướng, giới thiệu tài liệu có liên quan, hay lưu ý về giới hạn thời gian đối với những ngành đặc thù liên quan đến yếu tố tự nhiên - xã hội. Tuy nhiên, việc được phân công làm giảng viên hướng dẫn cho đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên thường được hội đồng khoa học cấp khoa phân chia theo chuyên ngành, hướng nghiên cứu mà sinh viên đã đăng ký; nhưng hiệu quả của cả quá trình nghiên cứu phụ thuộc vào nhiệt huyết của giảng viên.

Cần lưu ý khi phân công giảng viên hướng dẫn cần đúng chuyên ngành, hướng nghiên cứu mà giảng viên đó đã và đang thực hiện; trong quá trình thực hiện đề tài, sinh viên cần chủ động làm việc, tích cực hướng dẫn, trao đổi thông tin với giảng viên hướng dẫn vì các em chỉ vừa bước đầu làm quen với nghiên cứu khoa học nên còn bỡ ngỡ, không tránh khỏi những thiếu sót.

## 3.2. Yếu tố khách quan

### 3.2.1. Các quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên

Mục tiêu phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2011-2020: “Đến năm 2020, số cán bộ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đạt 11 - 12 người trên một vạn dân; đào tạo và sát hạch theo chuẩn quốc tế 10.000 kỹ sư đủ năng lực tham gia quản lý, điều hành dây chuyền sản xuất công nghệ cao trong các ngành, lĩnh vực ưu tiên phát triển của đất nước” (Chính Phủ, 2012). Để đáp ứng được mục tiêu

về số lượng cán bộ nghiên cứu khoa học, kỹ sư đủ năng lực đó, các cơ sở giáo dục đại học cần phải “Gắn kết chặt chẽ đào tạo nghiên cứu khoa học, chuyên giao công nghệ và sản xuất; thành lập các doanh nghiệp khoa học công nghệ trong các cơ sở đào tạo. Nâng cao năng lực của các cơ sở nghiên cứu khoa học, trong đó ưu tiên đầu tư cho các cơ sở nghiên cứu khoa học mũi nhọn, phòng thí nghiệm trọng điểm trong các trường đại học” (Chính Phủ, 2012). Bên cạnh các văn bản mang tính định hướng chiến lược, các trường đại học khi thực hiện quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên cần phải hiểu rõ các văn bản về Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học, quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên trong các cơ sở giáo dục đại học và các văn bản có liên quan để thực hiện đúng quy định về thời gian, cách thức tổ chức, các định mức kinh phí của công tác quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên để cân đối cho phù hợp với điều kiện thực tế.

Thực hiện tốt công tác quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên trong các cơ sở giáo dục đại học, người quản lý cần thường xuyên cập nhật những định hướng, chính sách, những quy định; theo dõi, đánh giá tình hình triển khai, áp dụng những quy định đó vào thực tế của nhà trường để tham mưu cho hiệu trưởng trong việc đề ra các kế hoạch, chiến lược phát triển đồng bộ đào tạo gắn với nghiên cứu khoa học định hướng xây dựng môi trường nghiên cứu, môi trường tự học cho sinh viên.

### 3.2.2. Kinh phí cho hoạt động nghiên cứu khoa học

Khả năng tài chính của nhà trường là một trong những yếu tố tác động đến quy mô, chất lượng cũng như việc quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên. Các nguồn tài chính cho hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên bao gồm: 1) Ngân sách nhà nước; 2) Tài trợ, viện trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; 3) Trích từ nguồn thu hợp pháp

của trường đại học; 4) Huy động từ các nguồn hợp pháp khác (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2012). Các cơ sở giáo dục đều có những định hướng riêng trong phát triển khoa học và công nghệ và cũng có thể mạnh riêng trong đào tạo, nghiên cứu nên sự hợp tác, tài trợ của các cơ quan, tổ chức nên nguồn kinh phí phân bổ cho hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên chưa thật sự thuận lợi cho sinh viên nên cán bộ quản lý cần chú trọng trong việc phân bổ kinh phí hoạt động trong trường đại học để mức chi kinh phí ở các trường không quá chênh lệch.

### 3.2.3. Điều kiện nghiên cứu khoa học của sinh viên

Điều kiện nghiên cứu khoa học của sinh viên được hiểu chung là cơ sở vật chất, hỗ trợ về phương tiện, thiết bị, tài liệu cần cho quá trình nghiên cứu. Nếu nguồn cơ sở vật chất, thiết bị hỗ trợ hạn chế, các hoạt động quản lý, hoạt động nghiên cứu sẽ bị trì trệ, ảnh hưởng đến chất lượng hoạt động chung. Vì vậy, xây dựng nguồn tài nguyên thông tin về các đề tài đã nghiệm thu, lưu trữ những sản phẩm khoa học là kết quả của đề tài nghiên cứu là việc cấp thiết. Các phòng chức năng, các khoa cần phải phối hợp với nhau, hỗ trợ về tài nguyên thông tin, về các thiết bị, phương tiện nghiên cứu, làm thí nghiệm; quá trình quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học nói chung cần mã hóa các thông tin để thuận tiện cho quản lý, tra cứu thông tin khi cần.

## 4. GIẢI PHÁP ĐỂ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA SINH VIÊN

Từ những yếu tố tác động nêu trên, với mục đích góp phần tận dụng những ưu điểm tại các trường đại học đào tạo đa ngành. Các trường cần xem xét các giải pháp:

*Thứ nhất*, nâng cao chất lượng, trình độ của giảng viên.

Chất lượng của giảng viên được thể hiện không chỉ thông qua bằng cấp mà còn được tính là thời gian giảng viên tham gia các hoạt

động khoa học: làm đề tài khoa học các cấp, các sản phẩm thuộc đề tài là các công trình được công bố trên các tạp chí, hội nghị, hội thảo khoa học trong và ngoài nước, thời gian hướng dẫn sinh viên thực hiện luận văn, v.v. Các trường đại học cần tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, đầy đủ tiện nghi, tạo điều kiện cho giảng viên trong hoạt động nghiên cứu khoa học, thu hút giảng viên giỏi, các chuyên gia trong và ngoài nước hợp tác.

*Thứ hai*, chú trọng chất lượng đào tạo sinh viên

Sinh viên cần được cung cấp những tri thức, kỹ năng nền tảng để cơ bản thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học tương đối hoàn chỉnh. Xây dựng chương trình đào tạo tiếp cận năng lực người học, đặc biệt là học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học (chia theo từng khối chuyên môn, ví dụ: Phương pháp nghiên cứu khoa học căn bản, Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục, v.v), thông qua học phần này, giúp sinh viên nắm chắc cấu trúc, cách thức trình bày một đề tài. Bên cạnh những kỹ năng; kiến thức chuyên môn là một phần không thể thiếu. Vì vậy, các khoa cần phải thiết kế, đảm bảo lộ trình học phù hợp; khuyến khích giảng viên vận dụng phương pháp giảng dạy, đánh giá mới như bài tiểu luận kết thúc học phần, báo cáo thực tập chuyên môn, v.v. Các khoa lập kế hoạch tổ chức các buổi hội thảo, tọa đàm khoa học, mời các chuyên gia về lĩnh vực đang đào tạo, khuyến khích sinh viên viết bài tham luận, viết bài báo khoa học, đồng thời có các biện pháp rà soát nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo.

*Thứ ba*, thực hiện nghiêm túc các quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên và quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên.

Trong quá trình sinh viên triển khai các đề tài nghiên cứu khoa học cần chú trọng các bước trong quá trình tổ chức theo quy định của các

cấp ban hành. Tuy nhiên, ở từng giai đoạn, điều kiện nhất định, khi triển khai kế hoạch nghiên cứu khoa học của sinh viên, mỗi trường tự điều chỉnh linh hoạt sao cho phù hợp với tình hình thực tế đơn vị mình (giảm các thủ tục đăng ký rườm rà, công bố quy chế hoạt động...).

*Thứ tư*, tăng cường hợp tác, liên kết với các trường đại học khác trong đào tạo, nghiên cứu khoa học; hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp triển khai các đề tài ứng dụng. Trao đổi, hỗ trợ của các chuyên gia đầu ngành trong từng lĩnh vực riêng biệt. Hợp tác, liên kết giữa các trường mở ra cơ hội đa dạng hóa loại hình nghiên cứu khoa học của sinh viên; sinh viên sẽ học được nhiều điều trong quá trình nghiên cứu dưới sự định hướng của giảng viên hướng dẫn, và những góp ý để hoàn thiện công trình của hội đồng đánh giá. Liên kết với các tổ chức, doanh nghiệp không chỉ để ứng dụng các kết quả vào sản xuất mà còn tạo cơ hội cho sinh viên tham gia các dự án hợp tác, và nguồn kinh phí sau đó được sử dụng tái đầu tư, củng cố cơ sở vật chất, thiết bị nghiên cứu chuyên biệt.

## 5. KẾT LUẬN

Cùng với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, hoạt động nghiên cứu khoa học nói chung và hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên nói riêng là hết sức cần thiết. Thông qua nghiên cứu, sinh viên không những chứng minh cho những giả thuyết đã đặt ra mà còn có cơ hội phát triển, nghiên cứu sâu hơn trong lĩnh vực theo đuổi. Để quá trình nghiên cứu khoa học của sinh viên đạt hiệu quả cao đòi hỏi những đầu tư đúng mức, định hướng chiến lược, phát huy những mặt tích cực đặc trưng của trường đại học đào tạo đa ngành, có những biện pháp cải thiện những điểm khó khăn, đảm bảo hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên đạt hiệu quả tốt nhất.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012), *Quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên trong các trường đại học* (ban hành theo thông tư số 19/2012/TT-BGDĐT ngày 01/6/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).
2. Bộ Khoa học và Công nghệ (2016), *Khoa học và Công nghệ Việt Nam*, Nxb. Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội
3. Chính phủ (2012), Quyết định số 418/QĐ-TTg về *Chiến lược phát triển Khoa học và Công nghệ giai đoạn 2011 - 2020 số 418/QĐ-TTg*.
4. Chính phủ (2012), Quyết định số 711/QĐ-TTg, *Chiến lược phát triển giáo dục Việt Nam 2011 - 2020*.
5. Vũ Cao Đàm (2012), *Giáo trình phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, Nxb. Giáo dục Việt Nam.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam (2013), Nghị quyết 29/NQ-TW ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.
7. Phan Văn Kha (2007), *Giáo trình quản lý nhà nước về giáo dục*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.

Ngày nhận bài: 01/3/2017. Ngày biên tập xong: 15/3/2018. Duyệt đăng: 16/3/2018